

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/DS-ST

Ngày: 24-02-2023

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Để.

2. Ông Phạm Ngọc Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 02 năm 2023 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 130/2022/TLST-DS ngày 24/10/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2023/QĐXXST-DS ngày 31/01/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị L; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

- Bị đơn: Anh A; địa chỉ: ấp G, xã B, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Có đơn xin vắng mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh L1; địa chỉ: ấp S, xã T, huyện M, tỉnh Kiên Giang. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn trình bày: Ngày 15/6/2021 chị L cho anh A mượn số tiền 30.000.000 đồng, hứa 01 tháng sau sẽ trả, có làm giấy mượn nợ. Một thời gian sau anh A có trả được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 20.000.000 đồng. Sau đó anh A mượn thêm 1.000.000 đồng và hẹn qua hôm sau sẽ trả, nhưng đến nay anh A không trả. Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa chị L yêu cầu anh A trả 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

- Bị đơn vắng mặt không có lời trình bày tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai ngày 20/02/2023 bị đơn là anh A trình bày: Anh có ký nhận nợ cho chị L, tuy số tiền 20.000.000 đồng không phải là tiền vay nhưng anh ký nhận thì anh chịu. Ngoài ra anh có mượn thêm chị L 1.000.000 đồng trả nợ cho người ta. Anh thống nhất trả cho chị L số tiền 21.000.000 đồng theo yêu cầu của chị L, nhưng hiện nay anh nợ rất nhiều người, không còn khả năng và tài sản để trả nợ. Anh A hứa khi nào đi làm có tiền về sẽ trả cho chị L.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh L1 trình bày: Số tiền không lớn nên anh giao cho chị L yêu cầu, anh không yêu cầu.

- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị L, anh L1 thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Anh A có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh A là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh A trả cho chị L số tiền 21.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh A có ký giấy nhận nợ cho chị L và có tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật vụ án là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Chị L trình bày tiền cho vay là của chung vợ chồng nên Tòa án đã đưa anh L1 là chồng của chị L vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh A vắng mặt 02 lần và sau đó có đơn xin vắng mặt nên vụ án không hòa giải được theo quy định tại Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh A có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã giải thích các trường hợp được trợ giúp pháp lý miễn phí, nhưng các đương sự không thuộc đối tượng được trợ giúp.

[2] Nội dung tranh chấp: Chị L cho rằng anh A có vay chị 02 lần số tiền 31.000.000 đồng, khi vay lần đầu 30.000.000 đồng có làm giấy mượn nợ. Anh A thừa nhận có ký nhận nợ và thống nhất trả số tiền còn lại là 21.000.000 đồng. Nhưng

hiện nay đang gặp khó khăn không có khả năng trả; hẹn khi nào làm có tiền về sẽ trả cho chị L.

Anh A thừa nhận có ký nhận nợ cho chị L và thống nhất trả số tiền này, đây là tình tiết, sự kiện được các bên thừa nhận đương sự không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tuy nhiên, các bên không thống nhất được thời gian trả nợ nên không có cơ sở công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Xét thấy bị đơn thừa nhận số nợ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử buộc anh A trả cho chị L số tiền 21.000.000 đồng. Chị L không yêu cầu tính lãi nên không xem xét về lãi. Anh L1 là chồng chị L có ý kiến giao quyền cho chị L, anh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử chỉ buộc anh A trả tiền cho chị L, nếu anh L1 và chị L có tranh chấp số tiền này có quyền yêu cầu trong vụ án khác.

[3] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí đối với nghĩa vụ phải thi hành số tiền 21.000.000 đồng $\times 5\% = 1.050.000$ đồng.

Nguyên đơn không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp là 525.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 92, 147, 207, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 280, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu của chị L về việc yêu cầu anh A trả tiền vay. Buộc anh A trả cho chị L số tiền 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong số tiền, hằng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm: Anh A phải chịu án phí sơ thẩm là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Hoàn trả cho chị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 525.000 đồng (Năm trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000938 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

TAND tỉnh Kiên Giang;
VKSND tỉnh Kiên Giang;
VKSND huyện An Minh;
Chi cục THADS huyện An Minh;
Các đương sự;
Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận